



Working Paper 2022.1.6.01
- Vol 1, No 6

HIỆP ĐỊNH EVFTA - CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP CHO NGÀNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

Nguyễn Văn Long¹

Sinh viên K59 Quản trị kinh doanh quốc tế - Khoa Quản trị Kinh doanh
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tạ Thị Ngọc Anh, Trần Thị Phương Thảo

Sinh viên K59 Luật thương mại quốc tế - Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Mạnh Hùng, Vũ Văn Tiến

Sinh viên K59 Thương mại quốc tế- Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Vũ Huyền Phương

Giảng viên Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) là một FTA thế hệ mới có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay. Nhờ những cam kết với mức độ tự do hóa sâu rộng và linh hoạt, đặc biệt đối tác đều là những nền kinh tế lớn có trình độ phát triển hàng đầu thế giới, chỉ tính riêng trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản, EU là một trong 05 thị trường lớn nhất của Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng là thị trường xuất khẩu thủy sản đứng thứ hai trong khu vực châu Á, chỉ xếp sau Trung Quốc. Lựa chọn vấn đề **“Hiệp định EVFTA - Cơ hội, thách thức và giải pháp cho ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam”**, bài viết sẽ (i) Nhận diện tổng quan về EVFTA và tác động của nó tới nền kinh tế Việt Nam nói chung (ii) Nắm bắt kịp thời những cơ hội và thách thức đối với ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam khi ký kết EVFTA (iii) Chủ động kiến nghị giải pháp nhằm giúp ngành xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tận dụng được cơ hội phát triển và vượt qua thách thức.

Từ khóa: EVFTA, EU, Việt Nam, xuất khẩu thủy sản.

EVFTA - OPPORTUNITIES, CHALLENGES AND SOLUTIONS FOR VIETNAM'S SEAFOOD EXPORT INDUSTRY

¹ Tác giả liên hệ: Email: k59.2014210088@ftu.edu.vn

Abstract

The EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) is one of the two FTAs with the widest scope of commitments and the highest level of commitment of Vietnam so far. Thanks to the commitments with extensive and flexible liberalization, especially the partners who are large economies with advanced levels of development, in the field of seafood export alone, the EU is one of the five largest seafood export markets of Vietnam. Besides, Vietnam is also the second largest seafood supplier in Asia, just behind China. Choosing the issue “**EVFTA - Opportunities, challenges and solutions for Vietnam's seafood export industry**”, the article will (i) identify an overview of the EVFTA Agreement and its impact on the Vietnamese economy. in general (ii) Timely grasping opportunities and challenges for Vietnam's seafood export industry when signing the EVFTA (iii) Proactively recommending some solutions to help Vietnam's seafood export industry to take full advantage of development opportunities and overcome challenges

Keywords: EVFTA, EU, Vietnam, Seafood export.

1. Tổng quan nghiên cứu

Hiện nay đã có rất nhiều nghiên cứu về vấn đề thương mại giữa Việt Nam và EU. Chẳng hạn như “*Đánh giá một năm thực hiện hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA): Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách*” do Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) thực hiện vào năm 2021; “*Đánh giá tác động theo ngành của Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU: Sử dụng các chỉ số thương mại*” (Vũ Thanh Hương, Nguyễn Thị Minh Phương/ Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh, Tập 32, Số 3 (2016) 28-38). Các nghiên cứu này chủ yếu hướng vào phân tích tác động EVFTA đến toàn bộ nền kinh tế vĩ mô, trong đó tác động đến thương mại chỉ là một nội dung nhỏ. Do đó, các nghiên cứu trước đây chưa phân tích được toàn diện và sâu sắc tác động của EVFTA đến thương mại giữa hai bên, đặc biệt là tác động ở cấp độ chi tiết HS 6 và những tác động trong nội bộ một ngành dựa trên các phương pháp chuyên sâu thường được sử dụng trong các nghiên cứu về thương mại. Các nghiên cứu đã thực hiện về tác động của EVFTA cũng chưa thể hiện được những cam kết của hai bên tính đến thời điểm hiện nay và chưa phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến tác động của EVFTA cũng như tác động tạo lập, chệch hướng thương mại của EVFTA. Chính vì vậy bài viết này giúp cho thấy những điểm mới cũng như đi sâu vào phân tích kỹ hơn về hiệp định EVFTA.

2. Tổng quan về Hiệp định thương mại tự do EU - Việt Nam và tình hình xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU

2.1. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)

2.1.1. Khái niệm

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (*The European -Vietnam Free Trade Agreement*, viết tắt là EVFTA) là Hiệp định thương mại tự do giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và 27 quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu.

Hiệp định thương mại tự do EVFTA hướng tới một mục tiêu chung chính là “*tự do hóa và tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư giữa các Bên phù hợp với các quy định của Hiệp định này*” (Điều 1.2 Hiệp định EVFTA).

Bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/08/2020, EVFTA được kỳ vọng sẽ mang lại cơ hội vàng đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, đặc biệt là các sản phẩm thủy sản Việt Nam với những lợi thế cạnh tranh sẵn có.

2.1.2. Nội dung cơ bản về các cam kết của Việt Nam trong Hiệp định EVFTA

EVFTA là một FTA thế hệ mới với phạm vi và mức độ cam kết cao bao gồm 17 Chương, 02 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ ở các lĩnh vực:

Thương mại hàng hóa

Với phạm vi cam kết sâu và rộng hơn trong WTO về thương mại hàng hóa, EVFTA đã xóa bỏ phần lớn thuế quan cho các sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam vào thị trường EU. Các rào cản thuế quan sẽ được cắt giảm theo lộ trình, trong đó hướng tới 99,2% số dòng thuế nhập khẩu sẽ được xóa bỏ cho hàng hóa Việt Nam (với điều kiện hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào thị trường EU phải tuân theo các quy tắc xuất xứ), (Nguyễn Trọng Điệp, 2018).

Thương mại dịch vụ

Trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, các cam kết trong EVFTA của cả 2 bên đều được mở rộng, thậm chí còn hơn so với cam kết của chính những thành viên này trong Hiệp định Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS) khi gia nhập WTO, chẳng hạn như: dịch vụ kinh doanh, dịch vụ môi trường, dịch vụ bưu chính và chuyển phát, ngân hàng,... Mức độ mở cửa của phần lớn các lĩnh vực dịch vụ của Việt Nam trong EVFTA là cao hơn hẳn so với trong khuôn khổ WTO, dù Việt Nam vẫn chưa cam kết toàn bộ các lĩnh vực dịch vụ sẽ được mở cửa (Nguyễn Thị Thu Trang, 2017).

Sở hữu trí tuệ

Trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA cam kết về sở hữu trí tuệ có mức độ sâu rộng hơn các cam kết tương ứng trong khuôn khổ Hiệp định về các Khía cạnh thương mại liên quan đến Quyền Sở hữu trí tuệ (WTO-TRIPS), được xem là TRIP+ hoặc TRIP-X. Cụ thể, EVFTA đưa ra các yêu cầu về thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nghiêm ngặt hơn, chủ thể thực thi được trao quyền cao hơn (đặc biệt tại biên giới) và chủ sở hữu quyền, đồng thời chủ thể có hành vi vi phạm các quyền sở hữu trí tuệ sẽ chịu mức trách nhiệm, biện pháp trừng phạt được nâng lên.

Cơ chế giải quyết tranh chấp

EVFTA đưa ra cơ chế giải quyết tranh chấp riêng biệt. Đặc biệt, có sự xuất hiện những cơ chế giải quyết tranh chấp rất đặc thù dành riêng cho từng lĩnh vực khác nhau được bao hàm trong Hiệp định như SPS, TBT, hay nhóm các biện pháp bảo đảm công bằng thương mại như chống bán phá giá, trợ cấp và tự vệ,... Quan trọng hơn cả đó là nội dung về cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư và Nhà nước (ISDS).

Đầu tư

Điểm nổi bật trong các chương về đầu tư là sự xuất hiện của cơ chế giải quyết các tranh chấp giữa Nhà đầu tư và Nhà nước. Đây là một nội dung mới mà chưa hề có trong cơ chế giải quyết các tranh chấp trong WTO hay các FTA trước đây, bởi đầu tư không trong phạm vi điều chỉnh của WTO. Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU (EVIPA) với quy định về cơ chế giải quyết các tranh chấp tại Tòa Đầu tư hiện được xem là cơ chế tham vọng nhất hiện nay.

Cạnh tranh

Nhằm thúc đẩy mục tiêu về thương mại và đầu tư của Hiệp định, bên cạnh yêu cầu duy trì hệ thống pháp luật cạnh tranh nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và ổn định thị trường, EVFTA vẫn ghi nhận quyền tự chủ của mỗi Bên, đồng thời ghi nhận ngoại lệ không áp dụng các chính sách cạnh tranh đối với các hoạt động công ích do doanh nghiệp thực hiện, sao cho mục tiêu công ích đặt ra không bị vượt quá và được thực hiện một cách minh bạch.

Các vấn đề phi thương mại khác

Các vấn đề phi thương mại (lao động và môi trường) trong EVFTA đều được quy định chung trong Chương 13 về Thương mại và phát triển bền vững. Mỗi Bên sẽ chỉ định một cơ quan đầu mối trong Chính phủ và hai Bên sẽ thành lập một Ủy ban Chuyên trách về Thương mại và Phát triển bền vững để phục vụ việc thực thi cam kết liên quan.

2.2. Các cam kết liên quan đến việc xuất khẩu các sản phẩm thủy sản sang thị trường châu Âu.

2.2.1. Hàng rào thuế quan

Ngay khi Hiệp định có hiệu lực, thuế quan đối với những hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam đã được xóa bỏ ngay khoảng 50% số dòng thuế, trong đó phần lớn là các sản phẩm có thuế cao khoảng (6% - 22%) được cắt giảm xuống 0%, như: hầu, điệp, bạch tuộc, nghêu, sò, bào ngư,... Và 50% số dòng thuế còn lại (thuế suất trong khoảng từ 5.5% - 26%) sẽ được xóa bỏ theo lộ trình từ 03 - 07 năm, như tôm, cá tra, ... Riêng với cá ngừ đóng hộp và cá viên áp dụng hạn ngạch thuế quan lần lượt là 11.500 tấn và 500 tấn. Ngay khi Hiệp định có hiệu lực, thuế quan đối với những hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam đã được xóa bỏ ngay khoảng 50% số dòng thuế, trong đó phần lớn là các sản phẩm có thuế cao khoảng (6% - 22%) được cắt giảm xuống 0%, như: hầu, điệp, bạch tuộc, nghêu, sò, bào ngư,... Và 50% số dòng thuế còn lại (thuế suất trong khoảng từ 5.5% - 26%) sẽ được xóa bỏ theo lộ trình từ 03 - 07 năm, như tôm, cá tra, ... Riêng với cá ngừ đóng hộp và cá viên áp dụng thuế suất 0% với hạn ngạch thuế quan lần lượt là 11.500 tấn và 500 tấn.

Thuế quan giảm tạo động lực rất lớn để các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh sản xuất, xúc tiến, xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU.

2.2.2. Hàng rào phi thuế quan

Để xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU với mức thuế ưu đãi, các doanh nghiệp phải vượt qua được hàng rào phi thuế quan rất khắt khe.

Về xuất xứ, các sản phẩm thủy sản xuất khẩu cần phải chứng minh nguồn gốc xuất xứ với tiêu chí chế biến và nguyên liệu thuần túy. Tức là, các sản phẩm thủy sản của Việt Nam có xuất xứ đạt yêu cầu theo EVFTA nếu nguyên liệu dùng trong quá trình sản xuất có xuất xứ thuần túy từ Việt Nam và không được phép nhập khẩu từ bất kỳ một nước khác ngoài Hiệp định. Tuy nhiên, với quy tắc cộng gộp, Việt Nam có thể sử dụng nguyên liệu mực và bạch tuộc (thuộc mã HS 030741 hoặc 030751) từ một nước ASEAN (có tham gia FTA với EU) để sản xuất một số sản phẩm mực và bạch tuộc chế biến xuất khẩu sang thị trường EU.

Về cam kết TBT, SPS, thủy sản Việt Nam đạt tiêu chuẩn xuất khẩu tới EU cũng phải tuân thủ cam kết về Hàng rào kỹ thuật (Technical Barrier to Trade - TBT) và Biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (Sanitary and Phytosanitary - SPS). Lấy ví dụ trường hợp xuất khẩu

cá tra, EVFTA quy định rất cụ thể hàm lượng Chlorate trong sản phẩm, lượng nước được thêm vào hay không được sử dụng oxit cacbon để xử lý cá. Ngoài ra EVFTA còn có các cam kết về môi trường, lao động; quản lý bền vững nguồn hải sản; trao đổi thông tin kiểm soát, giám sát và thực thi các biện pháp quản lý đánh bắt hải sản và vấn đề IUU (Illegal, Unreported, Unregulated) - khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.

Như vậy các hàng rào phi thuế quan cam kết trong EVFTA đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam khi năng lực sản xuất còn hạn chế, tính chất sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ.

2.3. Những nhân tố ảnh hưởng tới việc tận dụng các ưu đãi trong hiệp định thương mại tự do EU – Việt Nam

Nhận thức về sự hữu ích

Ký kết các hiệp định về thương mại tự do FTA đã tạo ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp: nâng cao tính cạnh tranh về giá, cải thiện môi trường kinh doanh, tăng lượng xuất khẩu, tăng khả năng tiếp cận thị trường nước ngoài. Việc doanh nghiệp nhận thức rõ được những thuận lợi này là yếu tố ảnh hưởng tích cực tới mức độ tận dụng thuế quan cho hàng Việt Nam xuất khẩu.

Tiếp xúc quốc tế

Doanh nghiệp có mức độ tiếp xúc quốc tế cao là một động lực cho việc thúc đẩy quá trình thương mại quốc tế. Trong các hoạt động về thương mại quốc tế, kinh nghiệm của doanh nghiệp có tiếp xúc quốc tế cao sẽ vượt trội hơn các doanh nghiệp có tiếp xúc quốc tế thấp. Vì thế, các doanh nghiệp này có thể tận dụng được những ưu đãi về thuế suất trong các cam kết của hiệp định thương mại tự do.

Thái độ lãnh đạo của Doanh nghiệp

Những nhà quản trị cấp cao có những quan điểm và phong cách lãnh đạo khác nhau và sẽ chi phối phần lớn các hoạt động của doanh nghiệp. Điều này chỉ ra rằng khả năng tận dụng mức độ ưu đãi từ các FTA cũng sẽ phụ thuộc vào thái độ và hướng đi của nhà lãnh đạo. Nhà lãnh đạo có thái độ quan tâm, khuyến khích và tích cực sẽ thúc đẩy doanh nghiệp tận dụng cơ chế ưu đãi hơn.

Hỗ trợ chính phủ

Thông qua những hành động cụ thể: cung cấp thông tin, tin tức, hỗ trợ tài chính, ban hành các văn bản pháp luật chuẩn quy,... Chính phủ tạo điều kiện để doanh nghiệp có thể nắm vững những kiến thức về cam kết và hỗ trợ khi cần thiết. Những chính sách điều chỉnh hoạt động doanh nghiệp từ phía chính phủ nếu phù hợp sẽ có tác động tích cực đến khả năng tận dụng ưu đãi từ các cam kết của FTA.

Khả năng học hỏi của tổ chức

Để nắm rõ những quy tắc và thông tin về các ưu đãi, đồng thời đủ điều kiện để có thể cấp chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O đòi hỏi doanh nghiệp có quá trình học hỏi và tích lũy kiến thức. Điều này sẽ làm giảm đi mức độ khó khăn và phức tạp trong việc tận dụng những ưu đãi từ các FTA.

Rào cản cản trở tận dụng ưu đãi

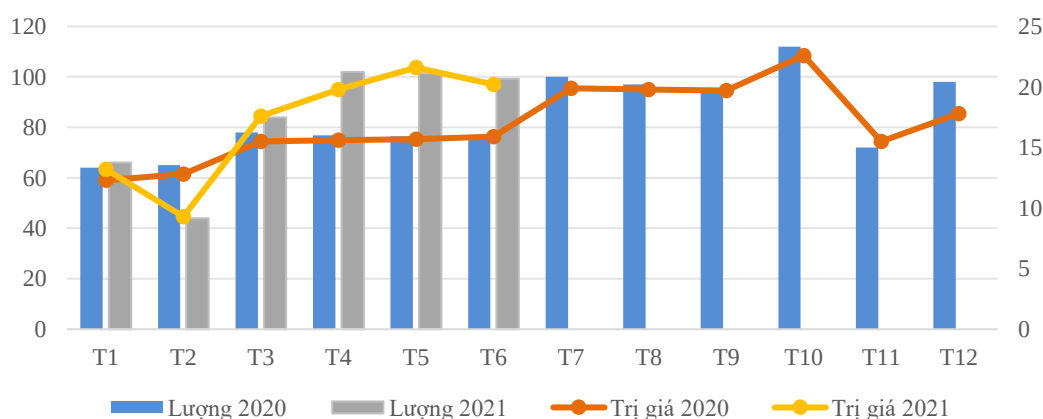
Bởi sự phức tạp trong các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn tận dụng ưu đãi, và doanh nghiệp còn thiếu thông tin nên việc vận dụng hiệu quả là không nhiều. Thêm nữa, Quá trình xin C/O lâu, tốn chi phí là một rào cản lớn cho doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp còn chưa có nhiều kinh nghiệm. Một rào cản đặc biệt lớn ở đây là sự phức tạp và ngặt nghèo trong quy tắc xuất xứ, mỗi quốc gia trong từng hiệp định sẽ có những yêu cầu về mỗi mặt hàng xuất khẩu khác nhau, điều này gây cản trở rất lớn đến doanh nghiệp để có thể đáp ứng được mọi yêu cầu được đề ra.

3. Tình hình xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường EU

Sau khi được ký kết và có hiệu lực, EVFTA đã thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang thị trường khối EU, trong đó có thủy sản với những lợi thế cạnh tranh sẵn có của Việt Nam.

Sau khi EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU đã và đang có những thay đổi tích cực khi các doanh nghiệp nắm bắt được những ưu đãi từ EVFTA. Chỉ tính riêng trong 6 tháng đầu năm 2021, thủy sản của Việt Nam đã xuất khẩu tới 25/27 quốc gia thuộc khối EU với lượng xuất khẩu đạt tới 104,3 nghìn tấn với trị giá 485,3 triệu USD, tăng 16% về lượng và tăng 20% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó Hà Lan, Đức, Italia, Bỉ và Pháp là các thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam. Một kết quả khả quan trong bối cảnh đại dịch Covid-19, cước phí vận tải tăng lên và xuất khẩu Việt Nam sang EU chưa gỡ được thẻ vàng IUU.

Biểu đồ về lượng và trị giá xuất khẩu của từng tháng năm 2021 cho thấy ngoại trừ tháng 2 (do có kỳ nghỉ Tết nguyên đán) thì xuất khẩu thủy sản qua 6 tháng đầu năm 2021 tăng đều so với năm 2020.



Biểu đồ 1. Lượng và kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU qua các tháng trong năm 2020 - 2021

Nguồn. Tổng cục Hải quan Việt Nam

Lượng và trị giá xuất khẩu của từng chủng loại thủy sản của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021 cũng đều tăng so với năm 2020 cụ thể được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 1. Xuất khẩu các loại thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Quý II/2021 so với (%)						6 tháng đầu năm 2021		So sánh giữa 6 tháng đầu năm 2021 với cùng kỳ năm 2020 (%)	
	Quý II/2021		Quý I/2021		Quý II/2020					
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)
Tổng XK sang EU	63.180	297.339	53,8	58,2	35,4	37,1	104.250	485.345	16,0	20,0
Tôm	18.260	159.499	68,9	65,8	43,6	42,0	29.644	255.704	25,2	27,5
Cá tra	14.201	32.115	26,8	26,4	6,5	-3,8	25.400	57.524	-12,2	-16,8
Nghêu	10.078	20.538	57,1	60,8	43,7	67,8	16.494	33.308	24,9	47,6
Cá ngừ	9.364	45.050	43,9	59,3	41,3	50,1	15.871	73.327	39,3	31,6
Cá đông lạnh	3.409	11.902	72,9	57,6	24,7	8,0	5.380	19.452	6,7	-5,8
Chả cá	2.931	6.571	262,0	250,1	186,6	185,9	3.741	8.448	118,9	113,2
Mực	2.259	11.626	47,7	56,1	83,0	80,6	3.789	19.073	47,6	60,5
Bạch tuộc	619	3.430	75,2	73,8	58,7	118,2	972	5.404	0,0	23,2
Sò	192	2.251	-10,0	-6,7	-25,3	-10,9	406	4.664	-9,2	3,6
Ốc	44	127	133,9	140,7	357,5	366,7	62	179	298,8	313,3
Mặt hàng khác	1.341	3.017	100,3	29,2	114,8	51,5	2.010	50352	89,8	2,1

Nguồn. Tổng cục Hải quan Việt Nam

Nhìn chung sau khi EVFTA có hiệu lực, gần như toàn bộ chủng loại thủy sản đều tăng trưởng cả về lượng và trị giá xuất khẩu. Nếu các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước tận dụng nắm bắt được những cơ hội từ những ưu đãi mà EVFTA mang lại thì kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU sẽ tăng trưởng rất mạnh.

4. Cơ hội và thách thức đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam khi ký kết hiệp định EVFTA

4.1. Cơ hội cho ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam khi ký kết hiệp định EVFTA

4.1.1. Cơ hội tiến sâu vào thị trường EU đầy tiềm năng

Liên minh châu Âu (EU) - hiện gồm 27 nước thành viên với dân số khoảng 450 triệu người, GDP đạt khoảng 13.021 tỷ USD (2020), chiếm khoảng 21% GDP thế giới (năm 2020). Mức thu nhập bình quân đầu người cao so với mức thu nhập bình quân thế giới, đời sống cao và có xu hướng sử dụng các thực phẩm thủy hải sản trong nhu cầu ăn uống hàng ngày. Những năm gần đây, EU đang phải đối mặt với vấn đề các nguồn lợi thủy sản nằm dưới giới hạn các tiêu chuẩn về an toàn sinh học nên các quốc gia phải áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác thủy sản, trong khi nhu cầu tiêu dùng trong nước vẫn rất cao. Như vậy, EU chính là một thị trường đầy tiềm năng đối với các mặt hàng thủy sản xuất khẩu từ Việt Nam nếu nước ta đáp ứng được các quy định nghiêm ngặt của EU, đặc biệt là sau khi ký kết EVFTA.

4.1.2. Cơ hội tăng trưởng

Theo kết quả nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sẽ được cải thiện trong cả ngắn hạn, trung hạn thậm chí là dài hạn, nếu các cam kết chính sách ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan được thực thi hoàn toàn. Đặc biệt, đối với thủy sản - một trong những ngành hàng được nhận định sẽ có thể tận dụng tốt những ưu đãi về thuế trong Hiệp định EVFTA nhằm thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường châu Âu.

Từ thông kê của Bộ Công thương, chỉ trong tháng 10/2020 (02 tháng sau khi hiệp định có hiệu lực chính thức) giá trị thủy sản xuất tiếp tục đà tăng trưởng trên 10% đạt khoảng 924 triệu USD. Lũy kế, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản 10 tháng đầu năm đạt gần 7 tỷ USD.

4.1.3. Cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI)

Các cam kết về đầu tư của EVFTA sẽ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tại EU đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam tăng cường mở cửa thị trường, tạo mọi điều kiện nhằm thu hút dòng FDI chất lượng cao từ các doanh nghiệp hay đối tác trong khối liên minh EU. Ngay sau khi EVFTA có hiệu lực chính thức, dòng vốn FDI vào Việt Nam đã có những thay đổi tích cực. Theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong vòng 9 tháng đầu năm 2020, có khoảng 2.240 dự án (so với cùng kỳ năm 2020 tăng 164 dự án) từ 26/27 quốc gia thuộc EU còn hiệu lực tại Việt Nam với vốn đầu tư trực tiếp đăng ký đạt khoảng 22,25 tỷ USD, chiếm khoảng 5,55% tổng vốn FDI đăng ký tại Việt Nam. Trong đó có sự đóng góp không nhỏ của nguồn vốn đầu tư vào ngành thủy sản.

4.1.4. Cơ hội tham gia chuỗi cung ứng khu vực

Với vị thế là một mắt xích trong chuỗi giá trị toàn cầu, bao trùm đa lĩnh vực về chế tạo sản phẩm như: sản xuất, chế biến,...Quan trọng, kết nối các nhà đầu tư nước ngoài của EU mang một lợi thế là có thể tiếp cận, chia sẻ về nhiều lĩnh vực như công nghệ, kỹ năng chuyên môn, dữ liệu đa dạng, các nguồn tin và mạng lưới không lồ của các đối tác EU trong chuỗi này.

Hiệp định EVFTA mang đến cơ hội cho Việt Nam hình thành chuỗi cung ứng mới. Trong khi Hoa Kỳ có Mexico là thị trường cung ứng truyền thống, không có nền kinh tế nào có vị trí địa lý gần khối liên minh EU nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng mới. Việt Nam đang có lợi thế rất lớn khi là một nước đang phát triển đầu tiên ký kết FTA với EU, có khả năng được tiếp nhận và xây dựng chuỗi cung ứng bền vững.

4.1.5. Cơ hội từ việc cắt giảm, xóa bỏ thuế quan

Hiệp định EVFTA được thực thi là lúc các cam kết đầy ưu đãi về thuế bắt đầu có hiệu lực. Hiện liên minh châu Âu đang áp dụng thuế suất 0% với phần lớn đến 90% mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Cụ thể, đối với mặt hàng cá tươi sống, Việt Nam chỉ chịu mức thuế trung là 3,8% từ EU (2020).

Việc xóa bỏ thuế quan mang đến hàng loạt cơ hội cho ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam, đặc biệt là lợi thế trong cạnh tranh với các đối thủ chưa có hiệp định thương mại liên kết như Ấn Độ, Thái Lan.

4.1.6. Cơ hội cải thiện môi trường kinh doanh

H EVFTA được coi như một cơ hội lớn giúp Việt Nam cải thiện môi trường kinh doanh ngày một tiến bộ và hoàn hảo hơn, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế, điển hình như các cải cách về thể chế pháp lý, các chính sách thương mại của nhà nước,...phù hợp hơn với kinh tế quốc tế. Từ đây cũng thúc đẩy mạnh mẽ các khoản đầu tư vào hoạt động kinh doanh xuất khẩu thủy sản, bao gồm cả trong nước và ngoài nước.

Doanh nghiệp sẽ được hưởng những bảo hộ cao hơn đặc biệt về mặt pháp lý trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ với những thành tựu đầu tư cho sự sáng tạo nhờ những sửa đổi, bổ sung và thay thế các quy định pháp luật phù hợp với hiệp định EVFTA. Điều này thúc đẩy doanh nghiệp có động lực đầu tư nhiều hơn vào các hoạt động sáng tạo tiêu biểu là đổi mới công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút chuyển giao thành tựu công nghệ nước ngoài trong sản xuất, chế biến, nuôi trồng thủy sản.

4.2. Những thách thức đối với ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam khi ký kết hiệp định EVFTA

4.2.1. Thách thức trong công tác nắm vững và chấp hành các quy định ở giai đoạn hoàn thiện thể chế đảm bảo thực thi các cam kết EVFTA

Thứ nhất, cơ quan các cấp quản lý của nhà nước gặp phải khó khăn trong việc sửa đổi, điều chỉnh các quy định đang tồn tại theo các yêu cầu mới về trình tự và chứng từ theo cam kết trong EVFTA về thủy sản xuất khẩu. Cùng với đó, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc nắm vững và chấp hành theo các điều khoản mới trong quá trình thực thi các cam kết trong Hiệp định. Điều này đặt ra cho doanh nghiệp Việt Nam những thách thức cả về năng lực lẫn nguồn lực thực hiện.

Thứ hai, khó khăn trong việc thiết lập cơ chế đảm bảo các nghĩa vụ cụ thể theo cam kết trong EVFTA về hoạt động xuất khẩu mặt hàng thủy sản được thực hiện đồng bộ. Phần lớn các cam kết trong EVFTA, bao gồm cả tiếp cận thị trường lẫn quy tắc, có liên hệ đến xuất khẩu mặt hàng thủy sản đòi hỏi pháp luật nội địa của các quốc gia thành viên phải được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp (ví dụ như Luật Thương mại, Luật Thủy sản, Luật Bảo vệ môi trường,...).

4.2.2. Thách thức phải đối diện về thiết chế trong thực thi các cam kết của Việt Nam về xuất khẩu thủy sản trong EVFTA

Thứ nhất, đối mặt sự cạnh tranh không lành mạnh hoặc tăng trưởng thương mại đột biến, Việt Nam vẫn còn thiếu hụt về thông tin, tư liệu, số liệu trong việc dùng công cụ phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ các ngành sản xuất trong nước.

Thứ hai, hạn chế trong việc thực thi các quy định về giấy tờ hay chứng nhận theo yêu cầu của EVFTA khi xuất khẩu thủy sản. Cụ thể, về quy định về chống đánh bắt hải sản IUU, việc kê khai

Giấy chứng nhận xuất xứ C/O còn nhiều khó khăn để sử dụng với doanh nghiệp và đối với các nước thành viên EU. Việc áp dụng mã HS cũng khó khăn khi doanh nghiệp lúng túng, không biết khai mã nào/khai mã theo Hiệp định không được nước nhập khẩu chấp nhận.

4.2.3. Thách thức từ “Thẻ vàng” và cảnh báo nguy cơ “thẻ đỏ”

Ngày 23/10/2017, Ủy ban châu Âu (EC) ra thông báo “thẻ vàng” với Việt Nam về ngành thủy sản. Và nguy cơ phải nhận “thẻ đỏ” từ EC rất cao nếu không chỉnh sửa được những sai sót theo khuyến nghị quy định IUU, đồng nghĩa việc cấm xuất khẩu các sản phẩm thủy sản của Việt Nam sang thị trường Liên minh châu Âu. Hiện tại, EU tăng cường kiểm soát đối với 100% các mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU, đồng nghĩa Việt Nam sẽ không thể tận dụng tốt những thuận lợi EVFTA mang lại.

4.2.4. Thách thức từ Đại dịch Covid-19

Nhu cầu nhập khẩu thủy sản trên các thị trường nhập khẩu chính thủy sản Việt Nam đặc biệt là thị trường EU bị giảm do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. Nhiều doanh nghiệp hải sản hiện nay chỉ hoạt động cầm chừng để duy trì công ăn việc làm cho công nhân, vì đơn hàng xuất khẩu bị giảm hoặc bị hủy. Nhiều sản phẩm xuất khẩu như cá tra phile đông lạnh, tôm sú đông lạnh, cá ngừ thăn phile, cá biển khác phile đông lạnh sụt giảm mạnh. Tại Việt Nam, doanh nghiệp tôm Minh Phú cho biết họ chỉ thu được 05% mục tiêu lợi nhuận trong Quý 01/2020, trùng với thời điểm châu Á bị dịch COVID-19 tấn công mạnh.

5. Giải pháp kiến nghị nhằm thúc đẩy xuất khẩu thủy sản sang thị trường Châu Âu

Nghiên cứu đã chỉ ra việc hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực đã mang lại rất nhiều cơ hội và thách thức cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Vì vậy, nhóm nghiên cứu xin đưa ra một số giải pháp để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản sang EU như sau:

5.1. Giải pháp ngắn hạn trong bối cảnh Đại dịch Covid-19

Trong ngắn hạn, Việt Nam cần nhanh chóng khôi phục các hoạt động khai thác và chế biến thủy sản; nỗ lực sớm khôi phục lại chuỗi cung ứng bị gián đoạn thời kì Covid-19.

Nhà nước cần đưa ra các chính sách hỗ trợ cho các hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản như cung cấp thêm các khoản cho vay và trợ cấp với mức lãi suất hợp lý nhằm tạo điều kiện cho người sản xuất có thể tái đầu tư, nhanh chóng phục hồi sản xuất.

Về phía các doanh nghiệp cần thực hiện tốt các quy định chống dịch của Nhà nước để cho quá trình sản xuất thủy sản diễn ra một cách an toàn và hiệu quả; có chính sách hỗ trợ người lao động yên tâm tái sản xuất; đồng thời tăng cường các biện pháp phòng chống dịch đối với người và phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu.

5.2. Giải pháp lâu dài, hướng tới phát triển bền vững hậu Covid-19

Thứ nhất, Việt Nam cần đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ bắt kịp cuộc cách mạng 4.0 vào việc khai thác, chế biến, bảo quản thủy sản nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng khi xuất khẩu sang châu Âu. Việc đầu tư phát triển công nghệ là một trong những ưu tiên hàng đầu đối với ngành kinh tế nói chung và ngành thủy sản nói riêng. Cụ thể, Nhà nước cần:

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong các vấn đề: công nghệ quản lý nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; dự báo ngư trường và giám sát tàu cá; tăng cường áp

dụng cơ giới hóa, tự động hóa; phương pháp bảo quản sản phẩm; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu thủy sản quốc gia.

- Nâng cao năng lực chế biến thủy sản và chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Đầu tư, nâng cấp nhà máy chế biến thủy sản kết hợp với đổi mới thiết bị và công nghệ để tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường. Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị cao từ nguyên liệu thủy sản và phụ phẩm thủy sản.

+ Tăng cường giáo dục và kiến tạo hệ thống quản lý chất lượng an toàn vệ sinh về thủy sản từ trung ương đến địa phương; tuyên truyền giáo dục tới người sản xuất.

Bản thân các doanh nghiệp cũng cần nhận thức tầm quan trọng của việc đổi mới sáng tạo, từ đó đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đồng thời xin Nhà nước hỗ trợ về kinh phí, nguồn lực sớm đưa công nghệ vào áp dụng.

Thứ hai, Việt Nam cần có kế hoạch hợp lý về cơ cấu thủy sản đánh bắt và nuôi trồng, đảm bảo khai thác tài nguyên hiệu quả và bền vững, đáp ứng yêu cầu về xuất xứ hàng hóa.

Nhà nước cần đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển nuôi trồng, đánh bắt đi đôi với bảo vệ môi trường; nhập khẩu nguyên liệu thủy sản. Rào cản kỹ thuật phù hợp quy chuẩn quốc tế cần được đề ra để bảo vệ các mặt hàng thủy sản trong nước. Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc để đảm bảo nguồn thức ăn của tôm, cá là nguồn thức ăn sạch, không gây ảnh hưởng tới môi trường..

Phía doanh nghiệp cần phối hợp với cảng nhà nuôi trồng, đánh bắt để hiểu rõ và tuân thủ quy tắc xuất xứ của sản phẩm. Bên cạnh đó, chú ý khâu kiểm chứng về nguồn gốc xuất xứ của nguyên liệu hải sản, tránh thu mua những hải sản khai thác không rõ nguồn gốc, không cấp phép hoặc không rõ ràng.

6. Kết luận

Nghiên cứu được nhóm tác giả thực hiện nhằm đánh giá những cơ hội - thách thức kể từ khi EVFTA có hiệu lực mang tới cho ngành thủy sản Việt Nam. EVFTA giúp đẩy mạnh tiềm năng xuất khẩu thủy sản Việt Nam vào thị trường châu Âu nhờ các ưu đãi về thuế quan. Tuy nhiên để tận dụng được cơ hội mà EVFTA mang lại, ngành thủy sản Việt Nam phải đối mặt với các thách thức về yêu cầu kỹ thuật và thủ tục phức tạp; đặc biệt trong hoàn cảnh ngành thủy sản Việt Nam vẫn đang đối mặt với “thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu (EC) và có nguy cơ bị rút “thẻ đỏ”. Từ đó, nhóm cũng đưa ra những giải pháp về phía nhà nước, doanh nghiệp cũng như người sản xuất để tận dụng triệt để những lợi ích mà EVFTA mang lại trong bối cảnh Covid 19, và phát triển bền vững hậu Covid. Kết luận rằng, ngành thủy sản cần tích cực áp dụng công nghệ 4.0 vào khâu chế biến, sản xuất; có cơ cấu hợp lý giữa thủy sản đánh bắt và khai thác để sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên mang lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Công Thương Việt Nam. (2021), “Xuất khẩu thủy sản sang EU - nắm bắt cơ hội từ EVFTA” <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/xuat-khau-thuy-san-sang-eu-nam-bat-co-hoi-tu-evfta.html>, truy cập ngày 08/02/2022.
- Bộ kế hoạch và Đầu tư Cục đầu tư nước ngoài. (2021), “Tình hình hợp tác đầu tư EU tại Việt Nam”, <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/95f75c5b-b0bf-40a3-b486-2cc4e2d5cc01/NewsID/d50aa8c2-2570-4189-84b7-cc1081bb47ba/MenuID/50557cad-3121-46e2-8449-37bfb0a04483>, truy cập ngày 27/01/2022.
- Đài tiếng nói Việt Nam - Ban Đối ngoại. (2020), “Cấp gần 15.000 bộ giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa sau 2 tháng EVFTA có hiệu lực”, <https://vovworld.vn/vi-VN/kinh-te/cap-gan-15000-bo-giay-chung-nhan-xuat-xu-hang-hoa-sau-2-thang-evfta-co-hieu-luc-908301.vov>, truy cập ngày 08/02/2022.
- Export Development Canada. (2020), “Running your export business remotely during the COVID-19 pandemic”, *EDC*.
- Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam. (2020), “EVFTA: Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp thủy sản Việt Nam”, *VASEP*, <https://vasep.com.vn/chuyen-de/evfta-co-hoi-xuat-khau-cho-doanh-nghiep-viet-nam/-evfta-co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-doanh-nghiep-thuy-san-viet-nam-9921.html>, truy cập ngày 26/01/2022.
- Lê, H. (2021), “Xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong bối cảnh EVFTA- CPTPP và dịch COVID – 19”, *VASEP*, <https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/tin-tong-hop/xuat-nhap-khau/xuat-khau-thuy-san-viet-nam-trong-boi-can-19-evfta-cptpp-va-dich-covid-19-23153.html>, truy cập ngày 05/02/2022.
- Mai, K. (2021), “Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thủy sản phía Nam” , *dangcongsan.vn*, <https://dangcongsan.vn/phong-chong-dich-covid-19/thao-go-kho-khan-cho-doanh-nghiep-thuy-san-phia-nam-591313.html>, truy cập ngày 27/01/2022.
- Nguyễn, Đ.T , Phạm, V.L, Phan, N.Q & Đỗ T.L, (2021), “Đánh giá một năm thực hiện hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA): Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách”, *Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)*.
- Nguyễn, N.H. (2020), *Tài liệu tập huấn “Phổ biến các cam kết của Việt Nam về môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cho sinh viên khối ngành kinh tế-luật”*, Khoa Luật trường Đại học Ngoại thương.
- Nguyễn, T.Đ. (2018), “Thực tiễn thi hành pháp luật về thương mại tại Việt Nam hiện nay dưới góc nhìn tham chiếu với yêu cầu của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học*, Tập 34 Số 2, tr. 63.
- Nguyễn, T.T.T. (2017), “Rà soát Pháp luật Việt Nam với các cam kết WTO, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU và Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương về Mở cửa Dịch vụ cho đầu tư nước ngoài”, *VCCI - Trung tâm WTO và Hội nhập*, Hà Nội, tr. 24 – 28.
- Phạm, V.T. (2020), “Phục hồi kinh tế sau Covid-19: Phương án nào để giải bài toán đẩy mạnh xuất khẩu và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp Việt Nam?”, *dangkykinhdoanh.gov.vn*, <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/597/5107/phuc-hoi>

- kinh-te-sau-covid-19--phuong-an-nao-de-giai-bai-toan-day-manh-xuat-khau-va-da-dang-hoa-thi-truong-xuat-khau-cho-doanh-nghiep-viet-nam.aspx, truy cập ngày 27/01/2022.
- tailieu.vn. (n.d.), “Các hiệp định thương mại tự do và vấn đề tận dụng ưu đãi thuế quan của doanh nghiệp Việt Nam”, <https://tailieu.vn/doc/cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-va-van-de-tan-dung-uu-dai-thue-quan-cua-doanh-nghiep-viet-nam-2129817.html>, truy cập ngày 19/04/2022.
- Trung tâm tin tức VTV 24. (2018), “*Tầm quan trọng của Hiệp định EVFTA*”, <https://vtv.vn/kinh-te/tam-quan-trong-cua-hiep-dinh-evfta-20180628002620885.htm>, truy cập ngày 27/01/2022.
- VCCI. (n.d), *Tóm tắt Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU*.
- Vũ, T.H. & Nguyễn T.M.P (2016), “*Đánh giá tác động theo ngành của Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU: Sử dụng các chỉ số thương mại*”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, Tập 32 Số 3, tr. 28 – 38.
- World Bank. (2022), “DataBank | World Development Indicators”, <https://databank.worldbank.org/reports.aspx?source=2&country=EUU>, truy cập ngày 09/02/2022.